

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CT  
TỈNH TG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **127/2021/HS-ST**

Ngày: 20-12-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bảnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Lê Văn Minh**

**Ông Nguyễn Văn Y**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Võ Trương Tấn Thành**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TG.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:** Ông **Đàm Viễn Khương** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2021/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1/ Nguyễn Nhân Ng**, sinh năm 2001 tại TG; Tên gọi khác: Ng Đ; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 276 ấp 3B, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phong Th (1978, bị cáo cùng vụ án) và bà Bùi A Tr (1978); bị cáo có vợ tên Tăng Y N (1996), chưa có con;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 17/12/2020, tạm giam ngày 20/12/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TG (có mặt tại phiên tòa).

**2/ Nguyễn Phúc L**, sinh năm 1994 tại TG; Tên gọi khác: Cu D ới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 92 THĐ, Phường t, thành phố MT, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn A D (1959) và bà Lê Ng T (1969); có vợ tên Nguyễn Hoàng A T (1996) và 01 người con (2020).

Tiền sự: Không

Tiền án: 01 lần; ngày 12/02/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố MT, tỉnh TG xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự (BLHS) và 03 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em” theo khoản 2 Điều 115 BLHS

năm 1999, đã chấp hành xong án phạt tù ngày 26/01/2019, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm.

Ngày 07/12/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TP khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS, vụ án đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021, tạm giam ngày 29/01/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TG (có mặt tại phiên tòa).

**3/ Phan Đức H**, sinh năm 1989 tại TG; Tên gọi khác: H Chì; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp L T, xã L A, huyện CT, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đ H (1969) và bà Huỳnh Thị T Ng (1970); bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 26/6/2008 tại bản án số 46/2008/HSST bị Tòa án nhân dân tỉnh TG xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999, ngày 30/9/2008 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên y án sơ thẩm, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù năm 2013 và án phí, đã được xóa án tích.

Bị tạm giữ từ ngày 25/12/2020, tạm giam ngày 28/12/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TG (có mặt tại phiên tòa).

**4/ Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; Tên gọi khác: C Hí; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 2, xã TP, huyện BD, tỉnh BT; chỗ ở: ấp L B, xã L A, huyện CT, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V A (1962) và bà Tạ T H (1962); bị cáo có vợ tên Lê Thị C L (1991, đã ly hôn) và 01 người con (2011). Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 25/12/2020, tạm giam ngày 28/12/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TG (có mặt tại phiên tòa).

**5/ Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1992 tại TG; Tên gọi khác: H mập; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 37/3 LTHG, Phường t, thành phố MT, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V Đ (1968) và bà Nguyễn T D (1969); bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không

Nhân thân: Tại bản án số 21/2021/HSST ngày 09/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TG xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Bị tạm giữ từ ngày 19/01/2021, tạm giam ngày 25/01/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TG (có mặt tại phiên tòa).

**6/ Nguyễn Ph Th**, sinh năm 1978 tại TG; Tên gọi khác: Ba Th; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 276 ấp 3B, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh TG; nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn U D (1951) và mẹ Lê Thị M D (1957); bị cáo

có vợ đã ly hôn tên Bùi A Tr (1979), vợ hiện tại tên Nguyễn Thị K D (1978), có 03 người con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 25/01/2021, tạm giam ngày 28/01/2021, hiện đang tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh TG (có mặt tại phiên tòa).

**7/ Bùi Văn H**, sinh năm 1990 tại TG; Tên gọi khác: H Lưu Linh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 266/8 NTP, Phường 7, thành phố MT, tỉnh TG; Chỗ ở: ấp L L, xã L H, huyện CT, tỉnh TG; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi V H (1962) và bà Phạm Thị T H (1970); bị cáo chung sống như vợ chồng với Lê Thị Q Nh (1997) và có 03 người con chung.

Tiền án, tiền sự: Không

Ngày 07/12/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T P khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS, vụ án đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Bị tạm giữ từ ngày 31/12/2020, tạm giam ngày 06/01/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TG (có mặt tại phiên tòa).

*\*Người bị hại:*

**1/ Trần Hoài Đ**, sinh năm: 1972 (xin vắng mặt)

**2/ Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đng, xã L Định, huyện CT, TG

*\* Người làm chứng:*

**1/ Trần Thị H**, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

**2/ Trần Văn Đ**, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

**3/ Trần Minh H**, sinh năm: 1998 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đng, xã L Định, huyện CT, TG

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 27/10/2020 Nguyễn Nhân Ng cùng Nguyễn Phúc L, Phạm Hữu Ph (tên thường gọi: Chầy, sinh năm 1988, đăng ký thường trú: 35A PHĐ, Phường 7, thành phố MT, tỉnh TG) và một người tên thường gọi là Queo đến nhà của anh Trần Thanh T (sinh năm 1991) tại ấp Đ, xã L Đ, huyện CT, tỉnh TG để tìm Tâm hỏi mua ma túy. Tại đây, T và Ng, L nảy sinh mâu thuẫn trong quá trình giao tiếp (theo L, Ng là do hiểu lầm). Ông Trần Hoài Đ là cha của T đang ngủ nghe nhiều tiếng la, có người chọi đá vào nhà nên ông Đ dùng một dây kim loại đuổi nhóm Ng. L bỏ lại trước cửa nhà ông Đ một xe mô tô hai bánh biển số 52S4-5146.

Sau khi Ng, L chạy ra ngoài thì Ng gọi điện thoại cho cha ruột là Nguyễn Phong Th để thông báo việc bị truy đuổi và chỉ vị trí để Th đến giúp đỡ. Sau đó, Ng đi cùng L đến nhà Bùi Văn H (ấp L Lợi, xã L H) để nhờ H đi cùng đến nhà ông Đ lấy lại xe 54S4-5146, H đồng ý nên nhờ Nguyễn Hữu Đ chở đến nhà ông Đ.

Nguyễn Phong Th sau khi nhận được điện thoại của Ng thì đang ngồi chung với Nguyễn Quốc C, Phan Đức H và Võ L Q (tên thường gọi: Ba Giá, sinh năm 1987, đăng ký thường trú 47/18B Khu phố 1, Phường 10, thành phố MT, TG). Th rủ C, H, Quốc cùng đi đến nhà ông Đ thì cả ba đồng ý. Th điều khiển xe chở Quốc, C chở H, trên đường đi Th ghé vào nhà Quốc lấy theo 01 túi bàng bên trong có chứa nhiều dao tự chế mang theo.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, tại đầu hẻm đi vào nhà ông Đ, nhóm đi cùng Ng và nhóm đi cùng Th gặp nhau. Th mang dao tự chế đưa cho cả nhóm. Ng, Th, H, L cầm dao tự chế trên tay đi bộ đến hướng nhà ông Đ. Ng có đem sẵn trong người vật giống súng, theo lời khai của Ng và các bị cáo thì đây là súng đồ chơi dạng súng pháo, khi bắn tạo tiếng nổ như tiếng pháo. Ng 01 tay cầm dao tự chế, 01 tay cầm súng pháo chĩa về phía ông Đ với mục đích hù dọa.

Trong lúc giằng co qua lại, ông Đ cầm một đoạn dây kim loại để chống trả. Lúc này, H, C, Đ đi sau, thấy từ phía nhà ông Đ có ném ra viên đá thì H, C, Đ tìm nhát gạch, đá ở ven đường ném lại về phía ông Đ để giúp sức cho những bị cáo phía trước. Lúc này bà Nguyễn Thị Lài (vợ ông Đ) ngăn cản, kéo ông Đ vào bên trong cổng nhà thì Ng, L cầm dao chém về phía ông Đ. Ông Đ khi khép cánh cổng thì bị Ng chém 01 nhát trúng tay trái, L chém cùng Ng nH không trúng ông Đ. Sau khi chém xong thì Ng cùng cả nhóm đi trở ra đầu hẻm rồi lên xe ra về. Ông Đ được người nhà đưa đi bệnh viện cấp cứu.

Trên đường về, Ng để súng pháo trong túi quần thì làm rớt trên đường không rõ vị trí nào, đem con dao tự chế về nhà cất giấu; các bị cáo khác có cầm dao tự chế thì ném bỏ trên đường không xác định tại đâu.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 417/2020/TgT ngày 17/11/2020 của Trung tâm Pháp y TG xác định thương tích của ông Trần Hoài Đ như sau:

-Sẹo vết thương trùng sẹo mổ từ mặt lưng đốt 2 đến mặt lòng đốt gần ngón II tay trái, tỷ lệ 02%,

-Sẹo vết thương mặt lưng ngón I tay trái, tỷ lệ 02%,

-Đứt nơi bám tận gân đuôi tay trái. Cứng khớp liên đốt 1, 2 ngón I bàn tay trái, tỷ lệ 06%,

-Đứt nơi bám tận gân đuôi tay trái. Cứng khớp liên đốt 2, 3 ngón II bàn tay trái, tỷ lệ 03%,

-Gãy đốt 1 ngón I bàn tay trái, tỷ lệ 03%,

-Gãy đốt 2 ngón II bàn tay trái, tỷ lệ 03%

Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Trần Hoài Đ là 17% (Mười bảy phần trăm).

Thương tích do vật sắc gây nên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến hay KH nại gì kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKSCT ngày 11/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh TG đã truy tố các bị cáo Nguyễn Nhân Ng, Nguyễn Phúc L, Nguyễn Phong Th, Phan Đức H, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Hữu Đ và Bùi Văn H để xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

*\*Tại phiên tòa:*

-Bị cáo Ng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu, bị cáo biết hành vi của mình đã sai, xin xem xét giảm nhẹ để sớm trở về với gia đình.

-Bị cáo L, bị cáo H, bị cáo C, bị cáo Đ, bị cáo Th, bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội, các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố 07 bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân từng bị cáo, cùng các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhân Ng, Nguyễn Đức L, Phan Đức H, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Phong Th, Bùi Văn H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, 38, 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ng từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, 38, 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, 38, 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Th từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, 38, 50; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H, C, H, Đ mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận tiền bồi thường xong, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên đề nghị ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu giữ kèm hồ sơ vụ án: 02 (hai) đoạn camera ghi lại diễn biến vụ án.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

Một sợi dây kim loại tròn đã củ, rỉ sét dài 2,4m, hai đầu dây kim loại có thắt vòng tròn, một đầu có tấm vải sọc trắng vàng;

Một đoạn gỗ tròn dài 1,4m;

Một đoạn gỗ vuông dài 98cm, độ dài cạnh 2,5cm, một đầu bị bể;

Một con dao bằng kim loại màu trắng dài 32cm, mũi nhọn bề rộng lớn nhất của lưỡi dao là 3cm, lưỡi dao dài 19cm trên lưỡi dao có chữ USMC, cán dao có quấn băng keo vải màu trắng;

Một con dao bằng kim loại dài 28,5cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12,5cm, lưỡi dao sắc hai cạnh, mũi nhọn 16cm;

Một cây côn nhị khúc bằng gỗ dài 67,5cm gồm 02 đoạn hình trụ tròn màu nâu dài 24,5cm, đường kính 2,9cm được nối với nhau bằng đoạn dây xích bằng kim loại màu trắng dài 18,5cm;

Một thanh kim loại màu nâu đen dài 31cm, đường kính 1,6cm, phần đầu nhọn, phần đuôi được gắn vào cán bằng gỗ quấn dây vải màu đen;

Một bình xịt có thân bằng kim loại màu trắng, hình trụ tròn kích thước (14,8 x 3,5)cm, trên thân có ghi chữ “JA”, “DEFENDER OF WOMEN & MEN”, phần đầu có gắn nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có nút bấm màu đỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Nhân Ng, Nguyễn Phúc L, Phan Đức H, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Phong Th và Bùi Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y về thương tích, lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào ngày 27/10/2020 tại ấp Đng, xã L Định, huyện CT, tỉnh TG các bị cáo Nguyễn Nhân Ng, Nguyễn Phúc L, Phan Đức H, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Phong Th và Bùi Văn H có hành vi cố ý gây thương tích đối với ông Trần Hoài Đ với tỷ lệ thương tích là 17%.

Bị cáo Ng trực tiếp sử dụng hung khí nguy hiểm là dao tự chế chém trúng tay trái gây thương tích cho ông Đ. Các bị cáo còn lại biết rõ Ng sử dụng hung khí nguy hiểm NH vẫn tích cực giúp sức để tội phạm hoàn thành, giữa các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì. Các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm, cùng thực hiện với số Đng, diễn ra trong thời gian ngắn với C độ quyết liệt và mạnh mẽ, thể hiện tính chất côn đồ trong hành vi. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Nhân Ng, Nguyễn Phúc L, Phan Đức H, Nguyễn Quốc C, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Phong Th và Bùi Văn H đã phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS) như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm mất trật tự trị an xã hội, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc đồng phạm gián đơn, bị cáo Ng là người



giữ vai trò chính và rủ các bị cáo khác, giữa các bị cáo không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ trước khi thực hiện. Bị cáo Ng, L là đồng phạm với vai trò là người thực hành. Các bị cáo H, C, Đ, Th, H tuy không trực tiếp thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại nH khi biết được nhóm sẽ giải quyết mâu thuẫn với ông Đ bằng vũ lực và có hung khí nguy hiểm thì vẫn đồng ý tham gia và hỗ trợ bằng cách cầm dao tự chế đi theo phía sau, ném gạch, đá về phía ông Đ để giúp sức, do đó cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với thương tích của bị hại. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện đến cùng.

Do đó, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo.

Bị cáo Ng là người giữ vai trò chính, rủ các bị cáo khác và là người trực tiếp gây thương tích cho bị hại nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong thiệt hại để khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại có đơn xin bãi nại, bị cáo không có tiền án, tiền sự, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo L thì bị cáo chưa được xóa án tích trong lần phạm tội trước, lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo có vai trò giúp sức tích cực, có cầm hung khí đi cùng Ng, có dùng dao chém về phía bị hại nên mức hình phạt sẽ tương đương bị cáo Ng. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Th thì sau khi được Ng điện thoại thông báo yêu cầu hỗ trợ thì đã rủ các bị cáo H, C và đối tượng tên Quốc cùng đi, là người chở Quốc và ghé nhà Quốc để lấy cái giỏ có chứa nhiều dao tự chế mang theo. Khi đến nơi hẹn, có cầm dao đi cùng bị cáo Ng, L, H để hỗ trợ. Tuy nhiên, xét bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là những tình tiết giảm nhẹ lại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Đối với bị cáo H thì bị cáo không có tiền án, tiền sự nH có nhân thân xấu. Khi được Th rủ đi cùng thì đã đồng ý đi. Khi đến nơi hẹn có cầm dao đi cùng Ng nH không có chém bị hại. Xét, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ lại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Đối với bị cáo C thì đi sau và có cầm gạch, đá ném về phía bị hại. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ lại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức nH có vai trò không đáng kể nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để xem xét mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Đ, bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo đi sau và có dùng gạch, đá ném về phía bị hại. Xét, bị cáo có người thân là ông nội có công với cách mạng (Huân chương kháng chiến hạng nhì), thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ lại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo H không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo đi sau và có dùng gạch, đá ném về phía bị hại. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ lại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức nH có vai trò không đáng kể nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để xem xét mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[3] Bị cáo Ng ngoài sử dụng dao tự chế còn có 01 vật nghi súng. Theo lời khai của Ng và các bị cáo khác thì đây là đồ chơi trái phép dạng súng pháo tạo tiếng nổ. Sau khi sử dụng thì Ng làm rơi trên đường không rõ vị trí nên không có căn cứ để truy tìm, thu hồi. Ngoài lời khai thì không còn chứng cứ nào khác nên chưa đủ cơ sở để xem xét về hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, công cụ hỗ trợ.

[4] Đối tượng đi chung gồm Võ L Q, Phạm H P và Queo, hiện đã bỏ địa phương, không rõ nơi cư trú, chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hồ sơ tiếp tục xác minh và xử lý sau.

[5] Theo lời khai của Ng và L là đến nhà của Trần Thanh T để mua ma túy, sau đó bị T dùng vật nghi giống súng bắn. Hiện T bỏ đi khỏi địa phương không rõ nơi cư trú, chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hồ sơ tiếp tục xác minh và xử lý sau.

[6] Đối với các công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Phong Th, do Th chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc kết án về hành vi liên quan đến vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ nên không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi sử dụng, tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hồ sơ để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Hoài Đ đã được bồi thường xong, không có yêu cầu gì thêm nên ghi nhận. Đối với bà Nguyễn Thị L, bà cũng có bị thương tích (bị xây xát) nH bà từ chối giám định, không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

02 (hai) đoạn camera an ninh ghi lại diễn biến vụ án, đây là chứng cứ trong vụ án nên không đưa ra xử lý, tiếp tục lưu giữ kèm hồ sơ vụ án.

Đối với cây súng pháo thì bị cáo Ng đã làm rơi trên đường không rõ vị trí, các con dao tự chế các bị cáo L, H, Th cầm thì các bị cáo đã ném bỏ trên đường nH không xác định vị trí nên không thu giữ được.



Đối với những vật chứng còn tạm giữ gồm:

-Một sợi dây kim loại tròn đã củ, rỉ sét dài 2,4m, hai đầu dây kim loại có thắt vòng tròn, một đầu có tám vải sọc trắng vàng; Một đoạn gỗ tròn dài 1,4m; Một đoạn gỗ vuông dài 98cm, độ dài cạnh 2,5cm, một đầu bị bể; Các vật này thu giữ tại hiện trường, là vật nguy hiểm, có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

-Một con dao bằng kim loại màu trắng dài 32cm, mũi nhọn bề rộng lớn nhất của lưỡi dao là 3cm, lưỡi dao dài 19cm trên lưỡi dao có chữ USMC, cán dao có quấn băng keo vải màu trắng; Một con dao bằng kim loại dài 28,5cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12,5cm, lưỡi dao sắc hai cạnh, mũi nhọn 16cm; Một cây côn nhị khúc bằng gỗ dài 67,5cm gồm 02 đoạn hình trụ tròn màu nâu dài 24,5cm, đường kính 2,9cm được nối với nhau bằng đoạn dây xích bằng kim loại màu trắng dài 18,5cm; Một thanh kim loại màu nâu đen dài 31cm, đường kính 1,6cm, phần đầu nhọn, phần đuôi được gắn vào cán bằng gỗ quấn dây vải màu đen – tất cả là vũ khí thô sơ; Một bình xịt có thân bằng kim loại màu trắng, hình trụ tròn kích thước (14,8 x 3,5)cm, trên thân có ghi chữ “JA”, “DEFENDER OF WOMEN & MEN”, phần đầu có gắn nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có nút bấm màu đỏ là bình xịt hơi cay thuộc nhóm công cụ hỗ trợ. Đây là những vật nguy hiểm nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô hai bánh biển số 52S4-5162, bị cáo Nguyễn Phúc L khai xe trên là do bị cáo mua nH đã làm mất giấy tờ. Kết quả do chưa tìm thấy dữ liệu tra cứu theo biển số xe trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CT tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và hợp pháp.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần nhận định nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhân Ng, Nguyễn Phúc L, Nguyễn Phong Th, Phan Đức H, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Quốc C và Bùi Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

### 1. Về hình phạt:

-Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhân Ng **03 (Ba)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17/12/2020.

-Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38; 50, 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc L **03 (Ba)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 26/01/2021

*-Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38; 50, 58 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phong Th **02 (Hai)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/01/2021.

*-Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38; 50, 58 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt bị cáo Phan Đức H **02 (Hai)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/12/2020.

*-Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38; 50, 56, 58 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ **02 (Hai)** năm tù. Cộng với hình phạt 09 tháng tù theo Bản án số 21/2021/HSST ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh TG. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là **02 năm 09 tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/01/2021.

*-Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38; 50, 54, 58 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C **01 (Một) năm 06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/12/2020.

*-Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38; 50, 54, 58 Bộ luật hình sự;*

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H **01 (Một) năm 06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 31/12/2020.

## **2. Về trách nhiệm dân sự:**

Ghi nhận bị hại đã được bồi thường xong và không có yêu cầu gì thêm.

## **3. Về xử lý vật chứng.** *Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự*

-Tiếp tục lưu giữ kèm hồ sơ vụ án: 02 (hai) đoạn camera an ninh ghi lại diễn biến vụ án.

-Tịch thu tiêu hủy:

+Một sợi dây kim loại tròn đã củ, rỉ sét dài 2,4m, hai đầu dây kim loại có thắt vòng tròn, một đầu có tấm vải sọc trắng vàng;

+Một đoạn gỗ tròn dài 1,4m;

+Một đoạn gỗ vuông dài 98cm, độ dài cạnh 2,5cm, một đầu bị bể;

+Một con dao bằng kim loại màu trắng dài 32cm, mũi nhọn bề rộng lớn nhất của lưỡi dao là 3cm, lưỡi dao dài 19cm trên lưỡi dao có chữ USMC, cán dao có quấn băng keo vải màu trắng;

+Một con dao bằng kim loại dài 28,5cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12,5cm, lưỡi dao sắc hai cạnh, mũi nhọn 16cm;

+Một cây côn nhị khúc bằng gỗ dài 67,5cm gồm 02 đoạn hình trụ tròn màu nâu dài 24,5cm, đường kính 2,9cm được nối với nhau bằng đoạn dây xích bằng kim loại màu trắng dài 18,5cm;

+Một thanh kim loại màu nâu đen dài 31cm, đường kính 1,6cm, phần đầu nhọn, phần đuôi được gắn vào cán bằng gỗ quấn dây vải màu đen;

+Một bình xịt có thân bằng kim loại màu trắng, hình trụ tròn kích thước (14,8 x 3,5)cm, trên thân có ghi chữ “JA”, “DEFENDER OF WOMEN & MEN”, phần đầu có gắn nắp nhựa màu đen, trên nắp nhựa có nút bấm màu đỏ.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/7/2021)

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- Chi cục THADS HCT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Thị Bảnh`**